

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 04 - 6 - 2024

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thúy

2. Ông Nguyễn Nam Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân T1, sinh năm: 1971

Nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T2, sinh năm: 1975

Nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Xuân T1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Xuân T2 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C (nay là xã C, huyện C), tỉnh Khánh Hòa.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên về sau vợ chồng ông thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra trên nhiều mặt. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà Nguyễn Thị Xuân T2.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Xuân T2 có 03 con chung là Phạm Thị Tuyết X, sinh ngày: 08/3/2000; Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày: 15/4/2003; Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày: 24/10/2006. Cháu Phạm Thị Tuyết X; Phạm Thị Tuyết L đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phạm Thị Tuyết N hiện nay đang ở với ông nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông không yêu cầu bà T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Xuân T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Phạm Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Xuân T2 được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày: 24/10/2006 cho ông Phạm Xuân T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 không yêu cầu nên không xét. Về án phí: Ông T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Xuân T1 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Xuân T2 nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Xuân T2 tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C (nay là xã C, huyện C), tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 03/3/2000 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống về nhiều

mặt. Nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Bị đơn được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Con chung Phạm Thị Tuyết X, sinh năm: 2000; Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 2003 đã trưởng thành ông Phạm Xuân T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Ông Phạm Xuân T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày: 24/10/2006.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo cho con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay, ông T1 đang trực tiếp nuôi cháu N, bà T2 vắng mặt không có ý kiến gì về con chung. Do đó, yêu cầu của ông T1 về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Tuyết N là phù hợp quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Xuân T1 không yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân T2 cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Phạm Xuân T1 không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Ông Phạm Xuân T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân T1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân T2.

2. Về con chung: Cháu Phạm Thị Tuyết X, sinh năm: 2000; Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 2003 đã trưởng thành, ông Phạm Xuân T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Giao cháu Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày: 24/10/2006 cho ông Phạm Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Xuân T1 không yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân T2 cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Xuân T1 không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: Ông Phạm Xuân T1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004519 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Ông Phạm Xuân T1 đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND xã Cam Tân, huyện Cam Lâm;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân